

Bản án số: 22/2023/HS-ST

Ngày: 17-3-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trung Tuyên;

Ông Đỗ Văn Cận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hà Việt Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2023, đối với bị cáo:

Vũ Ngọc A, sinh năm 1968; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ địa chính xã G; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Sen H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị N; có 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-9-2022 cho đến nay hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G;

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Minh K, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

4. Ông Đinh Ngọc N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980 (đã chết ngày 20-11-2021)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại (anh Nguyễn Văn T1) là: Chị Đinh Thị V1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (chị V1 là vợ anh T1).

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Văn N2, anh Nguyễn Văn N3, anh Đinh Xuân V2, ông Đinh Văn X và ông Đinh Văn C.

Tại phiên toà: Có mặt bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Ngọc A là cán bộ Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã G, huyện G từ năm 2005. Đến ngày Vũ Ngọc A được điều chuyển đến làm cán bộ Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã G, huyện G. Trong thời gian làm cán bộ Địa chính xã G, Vũ Ngọc A không có thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất hai lúa sang đất ở tại nông thôn và các loại đất khác nhưng Vũ Ngọc A đã lạm dụng chức vụ của mình nhận của 04 hộ gia đình ở xã G một số giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất và tổng số tiền 150.500.000 đồng để làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau khi nhận giấy tờ và tiền của 04 hộ gia đình, Vũ Ngọc A không làm hồ sơ, không báo cáo cấp có thẩm quyền để chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, số tiền 150.500.000 đồng Vũ Ngọc A đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết, các hộ gia đình đến đòi lại tiền nhưng Vũ Ngọc A không trả, cụ thể:

Khoảng tháng 5 năm 2020, ông Trần Văn T đến Ủy ban nhân dân xã G gặp và nhờ Vũ Ngọc A xin chuyển đổi mục đích sử dụng 80 mét vuông đất nằm trong tổng số 300 mét vuông đất hai lúa tại thửa số 160, tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã G, nằm ở xóm T, xã G thành đất ở tại nông thôn, Vũ Ngọc A đồng ý và báo ông Trần Văn T hết tổng số tiền là 33.500.000 đồng. Khoảng tháng 9 năm 2020 tại nhà ông Trần Văn T, ông T đưa cho Vũ Ngọc A số tiền 2.000.000 đồng và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục, số tiền còn lại 31.500.000 đồng ngày 08-12-2020 ông T mang đến phòng làm việc của Vũ Ngọc A tại Ủy ban nhân dân xã G nộp cho Vũ Ngọc A. Sau khi nhận tổng số tiền 33.500.000 đồng, Vũ Ngọc A không báo cáo cấp có thẩm quyền và không làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông Trần Văn T, số tiền 33.500.000 đồng nhận của ông T, Vũ Ngọc A đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất Vũ Ngọc A không làm, ông Trần Văn T đến gặp Vũ Ngọc A để đòi lại tiền, nhưng Vũ Ngọc A nói là tiền đã gửi đi rồi và không trả lại số tiền trên. Ngày 08-12-2021, ông Trần Văn T làm đơn gửi Cơ quan pháp luật đề nghị xử lý Vũ Ngọc A theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-12-2019, ông Trần Minh K có giao dịch chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ 145 mét vuông đất hai lúa tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã G tại xóm T, xã G, sau khi làm thủ tục chuyển quyền sử

dụng đất. Ngày 23-10-2020, tại nhà ông **Trần Minh K**, ông **K** và ông **Đ** có nhờ **Vũ Ngọc A** chuyển đổi mục đích sử dụng 50 mét vuông đất hai lúa nằm trong tổng diện tích 145 mét vuông đất hai lúa tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 21 sang đất ở tại nông thôn, **Vũ Ngọc A** đồng ý và thỏa thuận với ông **K** và ông **Đ** hết 21.500.000 đồng, ông **K** và ông **Đ** đồng ý giao số tiền 21.500.000 đồng (Trong số tiền này ông **K** có 12.500.000 đồng, ông **Đ** có 9.000.000 đồng) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho **Vũ Ngọc A** để làm thủ tục. Sau khi nhận giấy tờ và tiền của ông **K**, **Vũ Ngọc A** không báo cáo cấp có thẩm quyền và không làm hồ sơ chuyển đổi đất cho ông **K** và ông **Đ**, số tiền 21.500.000 đồng nhận của ông **K** và ông **Đương Vũ Ngọc A1** đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất **Vũ Ngọc A1** không làm, ông **Trần Minh K** đến gặp **Vũ Ngọc A1** để đòi lại tiền, nhưng **Vũ Ngọc A1** nói là tiền đã gửi đi rồi và không trả lại số tiền trên. Ngày 02-01-2021, ông **Trần Minh K** làm đơn gửi Cơ quan pháp luật đề nghị xử lý **Vũ Ngọc A1** theo quy định của pháp luật.

Khoảng cuối năm 2021, anh **Đinh Ngọc N1** là con trai ông **Đinh Ngọc T2** đến nhà **Vũ Ngọc A1** nhờ **Vũ Ngọc A1** chuyển đổi 100 mét vuông đất ao của ông **Đinh Ngọc T2** tại thửa số 48, **Tờ** bản đồ địa chính số 21 **xã G** thành đất ở tại nông thôn tại **xóm T, xã G**, **Vũ Ngọc A1** đồng ý và thỏa thuận với anh **Đinh Văn N4** hết tổng số tiền là 34.500.000 đồng, anh **N4** đồng ý, ngày 17 tháng 12 năm 2020, anh **N4** chuyển khoản số tiền 31.500.000 đồng vào số tài khoản 32042015043906 của **Vũ Ngọc A1** tại **Ngân hàng A2** [HYPERLINK "1" \o "Chi"chi nhánh huyện G](#), số tiền còn lại 3.000.000 đồng anh **N4** đã thanh toán tiền mặt cho **Vũ Ngọc A1**. Sau khi nhận tiền của anh **N4**, **Vũ Ngọc A1** hướng dẫn và giúp anh **N4** làm đơn để cho ông **T2** ký và kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06-5-2021, **Vũ Ngọc A1** đã làm văn bản và trình lãnh đạo **Ủy ban nhân dân xã G** ký kế hoạch sử dụng đất bổ sung. Sau khi lãnh đạo **Ủy ban nhân dân xã G** ký kế hoạch sử dụng đất bổ sung, **Vũ Ngọc A1** đã cất hồ sơ vào tủ làm việc và không báo cáo lên **Ủy ban nhân dân huyện G** để làm thủ tục chuyển đổi đất cho ông **Đinh Ngọc T2**, số tiền 34.500.000 đồng thu của anh **Đinh Văn N4**, **Vũ Ngọc A1** đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng giữa tháng 4 năm 2021, anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1980, ở **xóm T, xã G, huyện G** đến **Ủy ban nhân dân xã G** nhờ **Vũ Ngọc A1** xin chuyển mục đích sử dụng 80 mét vuông đất trong tổng số 677 mét vuông đất vườn tại thửa số 173, tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính **xã G tại Xóm T** thành đất ở tại nông thôn, phần đất hướng Đông Bắc mà anh **T1** đã xây nhà ở. **Vũ Ngọc A1** nhất trí và nhận của anh **Nguyễn Văn T1** 52.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, **Vũ Ngọc A1** có soạn thảo một đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất cho anh **T1** và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính kèm theo bản phô tô giấy tờ tùy thân của anh **T1**. Đến khoảng đầu tháng 5 năm 2021, anh **T1** tiếp tục nhờ **Vũ Ngọc A1** chuyển đổi thêm 20 mét vuông đất vườn tiếp giáp với vị trí đất trước. **Vũ Ngọc A1** đồng ý và báo chi phí thêm hết 7.000.000 đồng, ngày 15 tháng 6 năm 2021 anh **T1** đã chuyển cho **Vũ Ngọc A1** số tiền 9.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng. Sau khi nhận tiền **Vũ Ngọc A1** đã trình lãnh đạo **Ủy ban nhân dân xã G** ký bản đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất chờ làm thủ tục. Tổng số tiền **Vũ Ngọc A1** nhận của anh

T1 là 61.000.000 đồng, số tiền này Vũ Ngọc A1 đã sử dụng để tiêu dùng cá nhân hết.

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh N. Ngày 09 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện G ban hành công văn số 89 thông báo kế hoạch sử dụng đất và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã G hướng dẫn các hộ gia đình làm đơn, lập hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong đó có hộ gia đình anh Nguyễn Văn T1 và hộ ông Đinh Ngọc T2. Sau khi nhận được công văn số 89 của Ủy ban nhân dân huyện, Vũ Ngọc A1 không thông báo, không hướng dẫn cho hộ gia đình anh Nguyễn Văn T1 và hộ ông Đinh Ngọc T2 làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau khi phát hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất Vũ Ngọc A1 không làm, chị Đinh Thị V1 (Chị V1 là vợ anh T1 đã chết ngày 20-11-2021) đến gặp Vũ Ngọc A1 để đòi lại tiền, nhưng Vũ Ngọc A1 nói là tiền đã gửi đi rồi và không trả lại số tiền trên. Ngày 16 tháng 12 năm 2021, chị Đinh Thị V1 làm đơn gửi cơ quan pháp luật đề nghị xử lý Vũ Ngọc A1 theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, xác minh: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G thu giữ:

- Thu giữ của ông Đinh Văn X: 01 bản chính giấy biên nhận số tiền 46.000.000 đồng ghi ngày 29 tháng 01 năm 2022 người nhận tiền là Vũ Ngọc A1 nhận của anh Nguyễn Văn T1; 01 bản phô tô có công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16 tháng 10 năm 2008.

- Thu giữ của chị Đinh Thị V1: 01 bản chính giấy biên nhận số tiền 9.000.000 đồng ghi ngày 15 tháng 6 năm 2021 cho số tài khoản 3204215043906 mang tên Vũ Ngọc A1 Vũ Ngọc A1 nhận của anh Nguyễn Văn T1).

- Thu giữ của ông Trần Văn T: 01 bản chính giấy biên nhận số tiền 31.500.000 đồng ghi ngày 08 tháng 12 năm 2020, người nhận tiền là Vũ Ngọc A1.

- Thu giữ của ông Trần Minh K: 01 bản chính giấy biên nhận số tiền 21.500.000 đồng ghi ngày 23-10-2020, người nhận tiền là Vũ Ngọc A1; 01 bản phô tô biên bản chuyển nhượng đất ngày 27-7-2020; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 296618 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 27-7-2020; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 296619 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 27-7-2020.

- Thu giữ tại Ủy ban nhân dân xã G: 01 bản chính đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất ngày 06-5-2021 của ông Nguyễn Văn T1; 01 bản trích lục bản đồ địa chính ngày 06-5-2021 thửa đất số 173, tờ bản đồ địa chính số 20; 01 bản chính đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất ngày 06-5-2021 của ông Đinh Ngọc T2; 01 bản trích lục bản đồ địa chính ngày 06-5-2021 thửa đất số 48, tờ bản đồ địa chính số 21.

- Thu giữ của Vũ Ngọc A1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy J4+ vỏ màu vàng đồng là phương tiện để Vũ Ngọc A1 liên lạc trong quá trình nhận tiền làm hồ sơ, thủ tục về đất đai cho các hộ dân.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Vũ Ngọc A1 đã tự nguyện trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 33.500.000 đồng, ông Trần Minh K và ông Nguyễn

Văn Đ tổng số tiền 21.500.000 đồng, anh Đinh Văn N4 số tiền 34.500.000 đồng và chị Đinh Thị V1 số tiền 61.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS-GT ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố Vũ Ngọc A1 về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên luận tội: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi **lạm** dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của mình. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc A1 phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 355; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Ngọc A1 từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật **hình** sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy J4+ vỏ màu vàng đồng thu giữ của Vũ Ngọc A1 là phương tiện để Vũ Ngọc A1 liên lạc trong quá trình nhận tiền làm hồ sơ, thủ tục về đất đai cho các hộ dân. Áp dụng Nghị quyết số 326-2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 15-5-2019, Vũ Ngọc A1 được điều chuyển về làm cán bộ Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã G. Trong khoảng thời gian từ tháng 5-2020 đến tháng 6-2021, Vũ Ngọc A1 không có thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất hai lúa sang đất ở tại nông thôn và các loại đất khác nhưng Vũ Ngọc A1 đã lạm dụng chức vụ của mình để nhận của gia đình ông Trần Văn T, ở xóm T, xã G số tiền 33.500.000 đồng, gia đình ông Trần Minh K, ở HYPERLINK "13" \o "xóm" Xóm Thanh T3 và ông Nguyễn Văn Đ, ở xóm T, xã G tổng số tiền 21.500.000 đồng, gia đình anh Đinh Văn N4, ở HYPERLINK "14" \o "xóm" Xóm T, xã G số tiền 34.500.000 đồng và gia đình

anh Nguyễn Văn T1, ở HYPERLINK "15" lo "xóm" Xóm T xã G số tiền 61.000.000 đồng để làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau khi nhận giấy tờ và tiền của các gia đình trên, Vũ Ngọc A1 không làm hồ sơ, không báo cáo cấp có thẩm quyền để chuyển đổi đất cho các hộ gia đình, tổng số tiền bị cáo Vũ Ngọc A1 đã chiếm đoạt là 150.500.000 đồng bị cáo đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết, các hộ gia đình đến đòi lại tiền nhưng Vũ Ngọc A1 không trả. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu và biết được hậu quả do hành vi của mình gây ra cho bị hại và cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng do háms lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung. Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Vì vậy, căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với Ủy ban nhân dân xã G, đã có tờ trình về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất của các hộ dân có nhu cầu, tuy nhiên quá trình chỉ đạo thiếu sự kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, quản lý công việc của cán bộ địa chính. Để cán bộ nhận tiền của nhiều hộ dân trong thời gian dài, không làm thủ tục gì. Ủy ban nhân dân xã không nắm được để có biện pháp giải quyết để công dân gửi đơn đề nghị các cấp. Việc bị cáo nhận tiền để làm các thủ tục về đất đai không báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã cũng không biết và chỉ đạo việc này nên không đặt vấn đề xử lý. Đối với các cá nhân đã đưa tiền để Vũ Ngọc A1 làm các thủ tục, hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã liên hệ với cán bộ địa chính để được hướng dẫn thực hiện, không biết được hành vi vi phạm của Vũ Ngọc A1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không đề cập đến việc xử lý.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 355 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các

tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy kinh tế gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: **Vũ Ngọc A1** đã tự nguyện trả lại cho ông **Trần Văn T** số tiền 33.500.000 đồng, ông **Trần Minh K** và ông **Nguyễn Văn Đ** tổng số tiền 21.500.000 đồng, anh **Đinh Văn N4** số tiền 34.500.000 đồng và chị **Đinh Thị V1** số tiền 61.000.000 đồng. Ông **T**, ông **K**, ông **Đ**, anh **N4** và chị **V1** không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu **Galaxy J4+** **Vỏ** màu vàng đồng thu giữ của **Vũ Ngọc A1** là phương tiện để **Vũ Ngọc A1** liên lạc trong quá trình nhận tiền làm hồ sơ, thủ tục về đất đai cho các hộ dân, nên tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban **thường** vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 355; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo **Vũ Ngọc A1** phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo **Vũ Ngọc A1** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-9-2022.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật A sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu **Galaxy J4+** vỏ màu vàng đồng thu giữ của **Vũ Ngọc A1** (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng số: 37/2023, lập ngày 09/02/2023 tại Chi **cục thi** hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326-2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban **thường** vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Vũ Ngọc A1** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo **Vũ Ngọc A1** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giao Thủy;
- Huyện Ủy Giao Thủy;
- CQĐT Công an huyện Giao Thủy;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thanh Lâm

